



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 37 (từ 09/09/19 – 13/09/19)



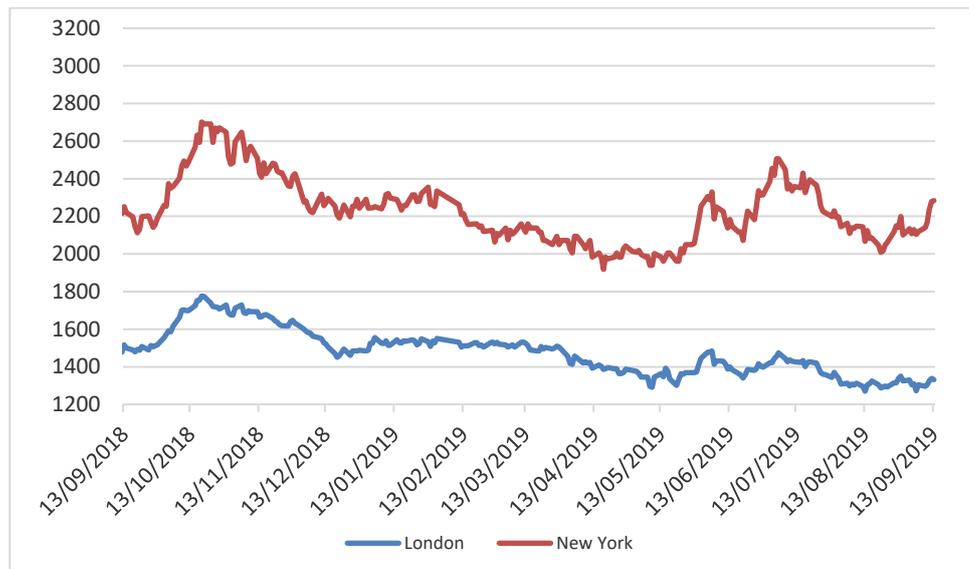
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này tăng 1,2% so với tuần trước hiện đang ở mức 1.319 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 4,9% lên mức 2.221,8 USD/tấn.

Trong tháng 7, xuất khẩu cà phê thế giới tăng 9,5% lên 11,34 triệu bao so với cùng kỳ năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.319 USD/tấn, tăng 1,2% so với tuần trước và thấp hơn 11,6% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.338 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.295 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.221,8 USD/tấn, tăng 4,9% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 0,6% so với cùng thời điểm năm 2018. Giá cao



nhất trong tuần đạt 2.284 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.103,2 USD/tấn. [1]

Giá cà phê trong tuần qua đều biến động tích cực trên cả hai sàn giao dịch London và New York. Lý do chính được đánh giá do Mỹ trì hoãn áp thuế quan từ mức 25% lên 30% chậm lại 15 ngày với hàng hóa nhập khẩu trị giá 250 tỷ USD đã phần nào làm giảm căng thẳng thương mại, giúp giá cà phê biến động tích cực hơn trên các sàn. Bên cạnh đó Đồng Real Brazil tăng 0,40% lên ở mức 1 USD = 4,065 Real trong khi USD giảm nhẹ tiếp tục hỗ trợ giá cà phê.

Theo báo cáo của Tổ chức Cà phê thế giới (ICO), sản lượng cà phê toàn cầu trong niên vụ 2018 - 2019 ước đạt 169,73 triệu bao, tăng 3,9% so với niên vụ 2017 – 2018. Sản xuất cà phê tại Nam Mỹ ước tăng 4,9% lên 81,13 triệu, gồm cả sản lượng sửa đổi thêm một triệu bao của Brazil trong tháng trước. Sản lượng từ châu Á & châu Đại Dương tăng 4,1% lên 48,68 triệu bao và từ châu Phi tăng 2,9% lên 18,21 triệu bao. Sản lượng tại Mexico và Trung Mỹ chỉ tăng 0,4% lên 21,72 triệu bao.

Trong tháng 7, xuất khẩu cà phê thế giới tăng 9,5% lên 11,34 triệu bao so với cùng kì năm ngoái bởi nguồn cung dồi dào và giá cao hơn.

Xuất khẩu cà phê toàn cầu trong 10 tháng đầu năm 2018 - 2019 tăng 10,2% lên 109,41 triệu bao. Các lô hàng từ Brazil tăng 27,6% lên 35,08 triệu bao và từ Colombia tăng 7,6% lên 12,59 triệu bao trong khi xuất khẩu robusta tăng 6,9% lên 38,90 triệu bao.

Theo Ủy ban cà phê Tanzania, sản lượng cà phê của nước này đã tăng mạnh, từ 47.000 tấn trong niên vụ 2017/18 lên 65.500 tấn trong niên vụ 2018/19 nhờ thời tiết thuận lợi và diện tích gia tăng. Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), sản lượng cà phê cao đã giúp Tanzania vượt qua Kenya lên vị trí thứ 4 trong số các nhà sản xuất hàng đầu ở châu Phi, sau các nước Ethiopia, Uganda và Bờ Biển Ngà.



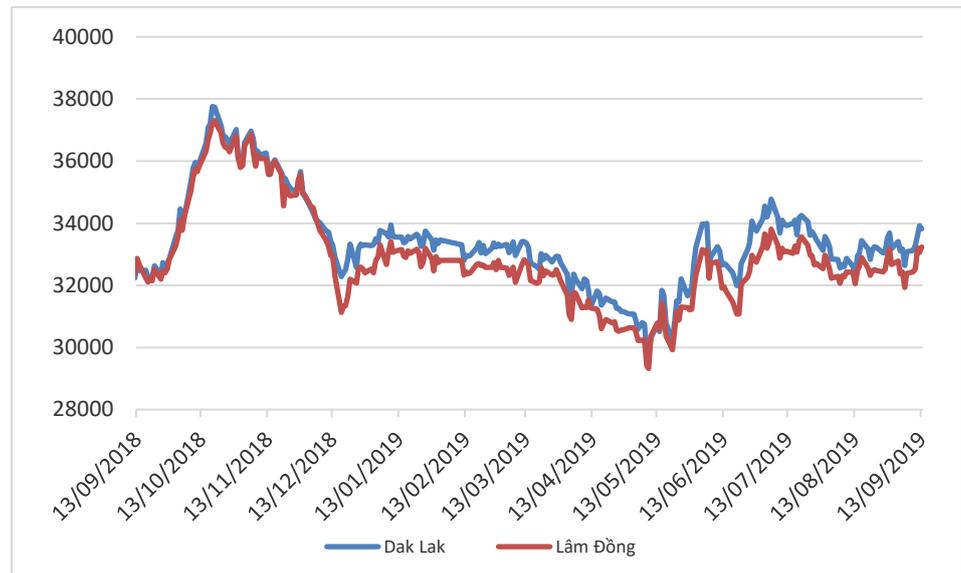
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần qua tăng nhẹ theo xu hướng giá cà phê thế giới.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 2% lên mức 1.514 USD/tấn.

Theo ICO, sản lượng ở Việt Nam trong niên vụ cà phê hiện tại 2018/19 dự báo vẫn đạt 30,5 triệu bao và xuất khẩu 25,5 triệu bao

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này biến động tăng nhẹ. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 33.550 đồng/kg, tăng 1,4% so với mức giá tuần trước và cao hơn 3,3% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 1,6% so với tuần trước, đạt 32.890 đồng/kg và cao hơn 0,9% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.514 USD/tấn, tăng 2% so với tuần trước và cao hơn 7,8% so với cùng kỳ năm 2018. [5]

Giá cà phê trong nước tuần qua biến động tích cực theo xu hướng chung của cà phê thế giới. Theo Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản dự báo, giá cà phê trong ngắn hạn sẽ tăng do nguồn cung có phần sụt giảm từ các nước sản xuất chính, tuy nhiên giá sẽ vẫn ở mức thấp trong nhiều năm. Ngoài ra, nhu cầu tiêu dùng cà phê tăng nhanh hơn so với sản xuất sẽ thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu cà phê trong trung và dài hạn.

Theo báo cáo của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), cho dù một số diện tích đã được chuyển sang trồng các loại cây ăn trái khác có giá trị kinh tế cao hơn, sản lượng ở Việt Nam trong niên vụ cà phê hiện tại 2018/19 dự báo vẫn đạt 30,5 triệu bao và



xuất khẩu 25,5 triệu bao. ICO cũng dự kiến tồn kho mang sang vụ mới sẽ không đổi ở 2,5 triệu bao. Chiếm 95% sản lượng là cà phê Robusta, do diện tích ở độ cao tối thiểu 1.000m phù hợp với cây cà phê Arabica không nhiều.

Theo thông tin từ Lâm Đồng, dự án VnSAT triển khai trên địa bàn tỉnh đến nay đã có những kết quả tích cực. Cụ thể, đến tháng 5/2019, toàn tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức 210 lớp tập huấn nông dân về sản xuất cà phê bền vững cho 7.671 lượt nông dân, diện tích 7.269 ha. Qua đó, kết quả đánh giá mức độ áp dụng sau đào tạo (đánh giá năm 2018) đạt 4.579 ha/8.000 ha, đạt 57%). Ngoài ra, dự án còn thực hiện được 67 mô hình sản xuất cà phê bền vững với 52ha.

Hiện nay, tại Lâm Đồng nhiều diện tích đã được người nông dân áp dụng các công nghệ tưới như phun sương, nhỏ giọt. Đặc biệt dự án đang xây dựng chương trình tưới thông minh để giới thiệu đến các hộ sản xuất. Tính đến thời điểm hiện tại, VnSAT đã giúp người nông dân trồng cà phê tăng lợi nhuận lên 9,34 %.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33.467	33.167	33.400	32.733	33.192	-135
Ea H'leo (xô vối)	33.567	33.267	33.367	32.567	33.192	-295
Krông Năng (xô vối)	33.267	32.967	32.967	32.567	32.942	-218
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33.800	33.500	33.700	33.000	33.500	-93
Ea H'leo (xô vối)	33.800	33.500	33.600	32.800	33.425	-275
Krông Năng (xô vối)	33.500	33.200	32.800	32.800	33.175	-145
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32.533	32.100	32.100	31.700	32.108	-338
Di Linh (xô vối)	32.400	32.000	32.200	31.500	32.025	-255
Lâm Hà (xô vối)	33.400	33.000	33.000	32.600	33.000	-473
Đà Lạt (xô chè)	39.000	36.000	38.000	37.000	37.500	-1500
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	33.033	32.600	32.600	32.200	32.700	-260
Di Linh (xô vối)	32.900	32.500	32.700	32.000	32.525	-262
Lâm Hà (xô vối)	33.700	33.200	33.200	32.900	33.250	-470
Đà Lạt (xô chè)	40.000	37.000	39.000	38.000	38.500	-1500
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33.250	32.750	32.850	32.150	32.750	-450
Đắk R'lấp (xô vối)	33.133	32.733	32.733	32.167	32.692	-368
Đắk Song (xô vối)	33.250	32.850	32.850	32.250	32.800	-330
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33.550	33.050	33.150	32.450	33.050	-450
Đắk R'lấp (xô vối)	33.433	33.067	33.067	32.467	33.008	-362
Đắk Song (xô vối)	33.600	33.200	33.200	32.600	33.150	-320
Gia Lai						



<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33.100	32.700	32.800	32.200	32.700	-473
Plei ku (xô vối)	33.200	32.800	32.900	32.233	32.783	-497
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33.667	33.233	33.333	32.867	33.275	-458
Pleiku (xô vối)	33.767	33.433	33.433	32.867	33.375	-438
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	33.400	33.100	33.100	32.700	33.075	-225
Đắk Hà (xô vối)	33.350	33.050	33.050	32.650	33.025	-225
<i>Giá công ty</i>						
ĐắkTô (xô vối)	33.500	33.200	33.200	32.800	33.175	-225
Đắk Hà (xô vối)	33.500	33.200	33.200	32.800	33.175	-225

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn